

Bản án số: 20/2023/DS-PT

Ngày 20 - 3 - 2023

V/v “*tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022 về việc “*tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vinh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn C, sinh năm 1982 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị T là anh Cao Văn C, sinh năm 1982 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022) (anh C có mặt, chị T vắng mặt).

Bị đơn: Cụ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1940;

Địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Th là bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1962, địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022) (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1962; (có mặt);
- Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1961; (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1982; (vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Z và anh A là bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1962; địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022) (có mặt).

- Người kháng cáo:

1. Cụ Nguyễn Thị Th - Bị đơn

2. Bà Nguyễn Thị I và ông Nguyễn Văn Z - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T trình bày: Năm 2012, vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L thửa đất số 543B, tờ bản đồ 52, diện tích 121,5m² (trên đất không có tài sản gì) Địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ngày 17/02/2012, anh chị đã được UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 736424, số vào sổ cấp GCN: CH-00061 mang tên ông Cao Văn C, bà Phạm Ngọc Thúy đối với thửa đất trên.

Theo thực tế sử dụng đất năm 2012 tại thời điểm anh chị nhận chuyển nhượng đất và theo hồ sơ địa chính, sơ đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của vợ chồng anh chị có: Một cạnh giáp với đường dân sinh chiều dài 9,5m; một cạnh giáp với đường ngõ chiều dài 11m; một cạnh giáp đất của gia đình cụ Nguyễn Thị Th chiều dài là 4m và 8m. Năm 2021, anh chị có ý định xây dựng công trình trên đất nên tiến hành kiểm tra lại diện tích thửa đất của gia đình mình thì phát hiện gia đình cụ Nguyễn Thị Th xây dựng công trình lấn sang đất của anh chị với diện tích là 10,5m², còn về phía giáp đường dân sinh gia đình cụ Th xây cổng và tường rào lấn ra đường dân sinh nên phần tiếp giáp đường dân sinh đất của anh chị chỉ còn chiều dài là 3,94m vì thực tế chiều dài thửa đất giáp đường dân sinh của anh chị là 7,02m (theo bản đồ 299 không tính 3m đã mở làm đường dân sinh phía trước) và còn thiếu 2,96m. Anh chị đã nhiều lần hòa giải tình cảm, yêu cầu gia đình cụ Th sử dụng đất đúng diện tích, đúng ranh giới, không được lấn chiếm sang đất của anh chị nhưng cụ Th không có thiện chí hòa giải. Vì vậy, anh chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc hộ gia đình

cụ Nguyễn Thị Th phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép và trả lại phần đất đã lấn của anh chị với diện tích là 10,5m², thuộc thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52, tại địa chỉ: TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất trên mặc dù diện tích đất thực tế vẫn còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh chị không yêu cầu cụ Th phải trả phần đất thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh chị được cấp. Anh C, chị T đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tại phiên toà, anh chị yêu cầu cụ Nguyễn Thị Th; bà Nguyễn Thị I; ông Nguyễn Văn Z; Anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng, tường rào trả lại cho anh chị 2,96m chiều dài mặt tiền giáp đường dân sinh của thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 thuộc TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Nguyễn Thị I là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cụ Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Z, anh Nguyễn Văn A và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Thị Th có thửa đất diện tích 1.192m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ 08 tại TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ thời điểm năm 1961 đến nay, gia đình mẹ chồng bà ở ổn định không chuyển nhượng với ai, không xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề. Cụ Th có 03 người con là ông Nguyễn Văn Z (chồng bà), ông Nguyễn Văn Quyết (ông Quyết đã chết năm 1981, không có vợ con) và anh Nguyễn Văn A. Năm 1981 bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Z, sau đó một thời gian thì cụ Th cho vợ chồng bà xây nhà trên một phần đất để vợ chồng ông bà cùng các con ở riêng nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà đã xây một ngôi nhà 02 tầng trên phần đất tiếp giáp với phần đất đang tranh chấp với vợ chồng anh C, chị T. Phần đất vợ chồng bà ở đã xây khuôn viên hàng rào ngăn cách với phần đất của anh A và cụ Th đang ở. Do vậy, phần đất anh A ở cùng cụ Th không liên quan gì đến phần đất tranh chấp với nhà anh C, chị T.

Hiện nay, trên đất của gia đình bà có 01 ngôi nhà cấp bốn, 04 gian xây năm 1993; 01 nhà cấp bốn xây năm 2010; 01 nhà 02 tầng xây năm 2015; 01 nhà 02 tầng xây năm 2017. Quá trình ở và sử dụng gia đình cụ Th và bà có hiến đất cho địa phương để mở rộng đường đi của ngõ xóm, nhưng vì không đo nên bà không nắm được diện tích đã hiến là bao nhiêu m².

Nay anh C và chị T khởi kiện yêu cầu cụ Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị I, ông Nguyễn Văn Z, anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng và tường rào trả lại chiều dài của mặt tiền giáp đường dân sinh của thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 là 2,96m mà bà đã xây trụ cổng và tường rào. Bà không đồng ý vì gia đình bà không lấn chiếm đất của ai, không xây lấn chiếm ra đường dân sinh, bà đề

ngihtòa án bác đơn khởi kiện của anh C, chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175; Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 170 Luật Đất Đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T.

Buộc bị đơn cụ Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I và anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây ra đường dân sinh để trả lại anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T chiều dài mặt đường dân sinh là 2,39m thuộc thửa số 543B, tờ bản đồ số 52 tại TDP X, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có ký hiệu từ 1, 20, 39 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo và thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2022, cụ Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị I và ông Nguyễn Văn Z có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị I và ông Nguyễn Văn Z, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị I và ông Nguyễn Văn Z được làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét. Tại phiên toà vắng mặt bị đơn cụ Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Z, nhưng cụ Th và ông Z đã có uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố V xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cụ Nguyễn Thị Th phải trả 10,5m² đất lấn chiếm, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xét yêu cầu này của nguyên đơn trong vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo tài liệu cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ vụ án xác định nguồn gốc thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 của anh Cao Văn C, chị Phạm Thị T trước đây nằm trong thửa đất số 543, tờ bản đồ số 52 có diện tích 1.123m² của hộ ông Nguyễn Văn G. Ông G đã làm thủ tục tặng cho một phần quyền sử dụng đất cho các con là anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ph. Sau đó chị Ph lại tặng cho lại anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn Q đã hợp nhất các thửa đất và làm thủ tục tách thành 03 thửa đất khác nhau trong đó có thửa đất 543B, tờ bản đồ số 52, diện tích 121,5m². Anh Nguyễn Văn Q đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị F, bà Xoan chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Y. Sau đó, ông L, bà Y chuyển nhượng lại cho anh Cao Văn C, chị Phạm Thị T.

Khi ông Nguyễn Văn G làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ph, theo biên bản kiểm tra hiện trạng của UBND phường K lập ngày 25/8/2008, gia đình Ông G và gia đình cụ Th cùng các hộ giáp ranh đã ký biên bản kiểm tra hiện trạng, xác định ranh giới các hộ gia đình (BL 61). Theo bản đồ 299 lập năm 1987, phần diện tích đất nhà cụ Th tiếp giáp với đất của anh C, chị T có chiều dài một cạnh là 5,7m và một cạnh là 10,08m (đoạn 10,08m tính đến đoạn gấp khúc chiều dài của thửa đất). Phần đất giáp với đường dân sinh từ lối cổng của cụ Th đến phần đất của nhà anh Nguyễn Văn Q nay thuộc phần đất của anh C, chị T và lối mở vào đường dân sinh có chiều dài là 10,2m. Chiều dài phía trước lối cổng đi của nhà cụ Th (phần đất cụ

Th cho vợ chồng ông Z, bà I) đã xây cổng là một đoạn thẳng. Chiều dài các cạnh trên tính trên thước ly tỷ lệ 1/1000. (Biên bản xác minh tại phường BL 75, 76).

Theo bản đồ hệ toạ độ VN2000 (lập năm 2001) đang quản lý tại UBND phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện: Thửa đất 543 có diện tích $1.091,1\text{m}^2$ có 01 cạnh giáp đất hộ cụ Nguyễn Thị Th và 03 cạnh giáp đường dân sinh, trong đó 01 cạnh tiếp giáp đường dân sinh cùng với một phần lối đi với cổng của nhà ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị I đã xây nhà, phần giáp với cổng nhà ông Z, bà I có chiều dài là $9,45\text{m}^2$. Tại thời điểm thiết lập bản đồ hệ toạ độ VN2000 đến khi ông Nguyễn Văn G tặng cho quyền sử dụng đất năm 2008 gia đình ông Z, bà I chưa xây lại nhà và xây lại cổng. Khi anh Nguyễn Văn Q làm thủ tục tách thửa đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị F năm 2010 thì mốc giới của hai gia đình không có sự thay đổi và ổn định. Năm 2017 bà I, ông Z phá cổng cũ và xây lại cổng mới. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà I đều xác nhận, năm 2017 gia đình xây lại nhà nên bà và ông Z đã phá bỏ trụ cổng cũ và sau đó xây lại cổng mới có xây lấn ra bên ngoài khoảng 02m so với mốc cổng cũ, nhưng bà cho rằng gia đình bà vẫn xây trên đất của gia đình bà vì trước đó gia đình bà có hiến một phần đất để làm đường dân sinh nên trước kia mới xây lùi cổng vào.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2022 thể hiện: Chiều dài thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 phần giáp đường dân sinh đến cổng của nhà ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị I tính cả đường dân sinh có chiều dài 7,06m so với bản đồ 299 thì thiếu 2,96m, so với bản đồ hệ toạ độ VN2000 thiếu 2,39m, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI737424 cấp ngày 17/02/2012 cho anh Cao Văn C, chị Phạm Thị T thiếu 5,44m.

Như vậy, căn cứ vào bản đồ 299 lập năm 1987; Bản đồ hệ toạ độ VN2000 lập năm 2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C, chị T năm 2012 thì chiều dài thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 giáp đường dân sinh so với hiện trạng thực tế đo đạc đều thiếu. Mặt khác, bà I thừa nhận có xây cổng lấn ra một phần chiều dài đường dân sinh của thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C, chị T thì chiều dài thực tế thửa đất vào tận sâu vào sân nhà của cụ Th đã cho ông Z, bà I xây nhà. Việc xác định chiều dài thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với đo đạc thực tế là chưa chính xác nhưng căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất lập năm 2008 khi gia đình Ông G tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Q được các hộ gia đình giáp ranh ký ranh giới, trong đó có hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Th thì xác định thửa đất số 543B, tờ bản đồ số 52 có phần giáp đường dân sinh có chiều dài 9,45m là phù hợp với bản đồ hệ toạ độ VN2000. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn C, chị

Phạm Thị T là có căn cứ và buộc gia đình cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây vào đường dân sinh để trả lại 2,39m chiều dài mặt tiền thửa đất giáp đường dân sinh cho anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T là phù hợp.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị I không đồng ý với bản án sơ thẩm và cho rằng theo sơ đồ mặt bằng lô đất số 22 (BL 38), xác định ranh giới đất của cụ Nguyễn Thị Th có diện tích 1.192m² vẽ năm 1990 xác định theo hình ABCDEFGH có cạnh BC giáp đường và thửa đất của nhà anh C, chị T hiện nay có chiều dài 21m và xác định gia đình bà xây cổng dịch ra ngoài vẫn nằm trong diện tích đất nhà bà. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất gia đình bà đang sử dụng hiện nay là 1629,9m² và cạnh BC giáp đường và thửa đất của nhà anh C, chị T hiện nay có chiều dài hơn 21m. Như vậy, càng xác định gia đình bà Thiệp xây cổng dịch ra ngoài khoảng 02m năm 2017 (sau khi anh C chị T nhận chuyển nhượng đất của ông L) là không hợp pháp đã ảnh hưởng đến phần mặt tiền thửa đất của anh C, chị T.

Từ những nhận định trên, xác định cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn C, chị Phạm Thị T buộc cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây vào đường dân sinh để trả lại 2,39m chiều dài mặt tiền thửa đất giáp đường dân sinh cho anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T là có căn cứ và đúng quy định. Do vậy, kháng cáo của cụ Th, bà I, ông Z không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên bản án sơ thẩm chưa nêu rõ trường hợp cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A không tự nguyện tháo dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây vào đường dân sinh để trả lại 2,39m chiều dài mặt tiền thửa đất giáp đường dân sinh cho anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T thì sẽ bị cơ quan thi hành án cưỡng chế phá dỡ và chi phí cưỡng chế cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A phải chịu toàn bộ nên cấp phúc thẩm sẽ tuyên trong bản án phúc thẩm cho đầy đủ để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I là người cao tuổi nên đc miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

[1] Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175; Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 170 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T.

Buộc bị đơn cụ Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I và anh Nguyễn Văn A phải phá dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây ra đường dân sinh để trả lại anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T chiều dài mặt đường dân sinh là 2,39m thuộc thửa số 543B, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Đôn Hậu, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có ký hiệu từ 1, 20, 39 (có sơ đồ kèm theo). Nếu cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A không tự nguyện phá dỡ trụ cổng có kích thước 0,33m x 0,33m, cao 2,3m và một phần tường rào có chiều dài là 2,06m, cao 1,1m xây vào đường dân sinh để trả lại 2,39m chiều dài mặt tiền thửa đất giáp đường dân sinh cho anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T thì sẽ bị cơ quan thi hành án cưỡng chế phá dỡ và chi phí cưỡng chế cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I, anh Nguyễn Văn A phải chịu toàn bộ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 520.000đồng (Năm trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004361 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Hoàn trả anh C, chị T số tiền 220.000đồng (Hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Cao Văn C và chị Phạm Thị T phải chịu 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh C, chị T đã nộp đủ. Cụ Nguyễn Thị Th phải chịu 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ Th phải hoàn trả anh C, chị T số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cụ Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị I là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh